



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Hà Giang

Số 15

Ngày 27 tháng 9 năm 2022

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

| | | Trang |
|---------------|---|-------|
| 19 - 8 - 2022 | Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, sử dụng và khai thác phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Hà Giang. | 2 |
| 26 - 8 - 2022 | Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang. | 22 |
| 26 - 8 - 2022 | Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND quy định về cơ chế quay vòng hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang. | 32 |
| 29 - 8 - 2022 | Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Hà Giang. | 41 |

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/2022/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng và khai thác phần mềm
 cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài

chính Quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính Quy định chế độ báo cáo giá thị trường;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 26/TTr-STC ngày 18 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng và khai thác phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý, sử dụng và khai thác phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Hà Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Hà Giang.

2. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài chính Quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các sở ban ngành, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các phòng ban thuộc cấp huyện, thành phố và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng và khai thác phần mềm cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ được sử dụng trong Quy chế này được thực hiện theo nội dung giải thích tại Điều 4 Luật Giá năm 2012.

2. Ngoài các từ ngữ tại khoản 1 Điều này, những từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

a) Cơ sở dữ liệu (viết tắt là CSDL) về giá là tập hợp tài liệu, dữ liệu thông tin về giá của tài sản, hàng hóa, dịch vụ và các thông tin liên quan, do cơ quan quản lý nhà nước về giá của địa phương xây dựng, quản lý một cách có hệ thống, có tổ chức

để phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá và cung cấp thông tin về giá theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin về giá các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản là toàn bộ các thông tin về danh mục và mức giá của các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản do các đơn vị cung cấp, cập nhật vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá

1. Hỗ trợ các sở, ban, ngành liên quan truy cập vào phần mềm để thực hiện cập nhật giá hàng hóa thuộc báo cáo giá thị trường, giá hàng hóa dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Cho phép gửi báo cáo giá bằng điện tử ngay trên phần mềm đến Sở Tài chính.

2. Lấy số liệu tham chiếu giá thị trường của các Tỉnh khác để tham khảo hỗ trợ công tác làm báo cáo giá thị trường.

3. Lấy số liệu tham chiếu giá thị trường của các siêu thị.

4. Là công cụ hỗ trợ Sở Tài chính thực hiện phê duyệt báo cáo giá các sở, ban, ngành, đơn vị gửi.

5. Cho phép Sở Tài chính kết xuất báo cáo giá hàng hóa dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

6. Tổng hợp số liệu trên địa bàn toàn Tỉnh, kết xuất báo cáo giá hàng hóa dịch vụ thuộc diện báo cáo giá thị trường theo đúng mẫu báo cáo quy định của Bộ Tài chính.

7. Là cổng giao tiếp cho phép tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai nhập dữ liệu về giá kê khai, đăng ký của hàng hóa dịch vụ theo quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP và Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

8. Lấy số liệu giá thuốc trên cơ sở dữ liệu về giá thuốc của Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế.

9. Kho CSDL về giá trong thẩm định giá, quản lý giá trong tổ tụng hình sự.

10. Kho dữ liệu về các văn bản giá của nhà nước, văn bản về giá của địa phương ban hành.

11. Tích hợp xác thực đăng nhập một lần cho ứng dụng, giúp người dùng chỉ cần đăng nhập một lần là có thể khai thác toàn bộ các ứng dụng bên trong, giải quyết triệt để bài toán quản lý quá nhiều tài khoản của người dùng.

12. Quản lý tài sản mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh, tin học hóa quy trình đề nghị trang cấp tài sản từ các đơn vị cấp dưới.

Điều 5. Nguyên tắc chung trong quản lý, sử dụng, khai thác hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá

1. Hoạt động của hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Luật Công nghệ thông tin, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Giá và các văn bản liên quan về an toàn bảo mật thông tin trong việc sử dụng, trao đổi các chứng từ điện tử, văn bản điện tử.

2. Việc trao đổi, gửi văn bản mật và các thông tin được quy định không trao đổi qua môi trường mạng phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Các thông tin về tài khoản truy cập vào hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và các thông tin trao đổi hợp pháp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thông qua hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương được bảo mật theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi phát tán mã độc máy tính thông qua Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Cá nhân, đơn vị, tổ chức được giao sử dụng các tài khoản của hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương chịu trách nhiệm về tài khoản được giao theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 6. Áp dụng và xử lý các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý sử dụng khai thác Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá

Việc áp dụng và xử lý các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng, khai thác hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh được áp dụng theo các

quy định của Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 và các pháp luật khác có liên quan của Nhà nước.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Điều 7. Quản lý Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Sở Tài chính quản lý Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương: Giữ tài khoản quản trị hệ thống, quản lý tài khoản được cấp của hệ thống, theo dõi quá trình cập nhật giá của các cơ quan, đơn vị, kê khai giá của các tổ chức, doanh nghiệp, quản lý nhật ký hoạt động của người dùng, thực hiện cấp mới và thu hồi tài khoản người dùng khi không còn nhu cầu sử dụng.

2. Sở Tài chính thường xuyên tổng hợp các vướng mắc trong quá trình sử dụng hệ thống cùng những kiến nghị để báo cáo, đề xuất kịp thời Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

3. Trường hợp có sự cố hoặc thay đổi do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định hiện hành, Sở Tài chính thực hiện tiếp nhận, phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm khắc phục và thay đổi theo tình hình thực tế và theo yêu cầu. Ngoài ra, trong trường hợp cần phải nâng cấp hoặc sửa chữa phần mềm cơ sở dữ liệu về giá nhằm đáp ứng được yêu cầu quản lý, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cùng đơn vị cung cấp phần mềm thực hiện.

4. Đơn vị cung cấp phần mềm có trách nhiệm hỗ trợ Sở Tài chính thực hiện việc kết nối cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh Hà Giang với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá khi có yêu cầu và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 8. Quy định về cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khai thác hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương được tổ chức theo mô hình ba cấp như sau:

1. Sở Tài chính là cơ quan sử dụng phần mềm tổng hợp quản lý giá và khai thác cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành là cơ quan sử dụng hệ thống phần mềm tổng hợp quản lý giá và khai thác cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi ngành mình quản lý.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố) là cơ quan sử dụng hệ thống phần mềm tổng hợp quản lý giá và khai thác cơ sở dữ liệu giá thuộc phạm vi quản lý.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác được cấp quyền sử dụng hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương khai thác cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi đơn vị mình quản lý.

Điều 9. Quản lý danh mục hàng hóa, dịch vụ, tài khoản trên Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ cập nhật vào Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá:

- Giá các loại đất;
- Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;
- Phương án giá rừng, giá cho thuê các loại rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;
- Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;
- Giá nước sạch sinh hoạt;
- Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách của địa phương;
- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

- Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Giá hàng hoá và dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Giá đăng ký của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá;

c) Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá;

d) Giá tài sản thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

e) Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại địa phương;

g) Giá giao dịch bất động sản;

h) Quản lý trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm cập nhật danh mục hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Bộ Tài chính ban hành; kịp thời cập nhật, bổ sung, sửa đổi các nội dung và biểu mẫu phù hợp theo các quy định do Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành mới về cơ sở dữ liệu giá; đồng thời hướng dẫn cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng.

3. Tài khoản đăng nhập hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, tổ chức, đơn vị: Mỗi đơn vị được cấp một tài khoản quản trị tham gia hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

b) Địa chỉ đăng nhập hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại: **<http://quanlygia.hagiang.gov.vn:8025/SitePages/index.aspx#!/login>** bằng tài khoản do Sở Tài chính cấp.

Tên đăng nhập và mật khẩu: Tên đăng nhập và mật khẩu vào hệ thống do Sở Tài chính cấp.

4. Sở Tài chính quản lý, sử dụng tài khoản phần mềm cơ sở dữ liệu về giá của địa phương là cơ quan quản lý thống nhất toàn bộ các tài khoản tham gia sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị giao cho 01 cán bộ quản lý, sử dụng tài khoản phần mềm cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi đơn vị mình quản lý. Danh sách cán bộ sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá (họ và tên, chức vụ, bộ phận công tác, điện thoại, địa chỉ thư điện tử) gửi về Sở Tài chính để phối hợp theo dõi, quản lý.

6. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân được giao quản lý, sử dụng tài khoản chịu trách nhiệm quản lý tài khoản được cấp, không được chia sẻ cho người khác dưới bất cứ hình thức nào. Trường hợp mất mật khẩu của tài khoản, thực hiện đăng ký lại mật khẩu theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

7. Trường hợp có sự thay đổi người quản lý, sử dụng tài khoản, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5, 6, Điều này giao cho người quản lý mới sử dụng tài khoản. Đồng thời, người được giao quản lý, sử dụng thực hiện thay đổi mật khẩu của tài khoản đó.

8. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thêm mới, sửa, đóng, xóa tài khoản tham gia phần mềm cơ sở dữ liệu về giá cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối với tài khoản đã có tương tác và phát sinh dữ liệu trên hệ thống phần mềm thì không được xóa tài khoản, chỉ được sửa thông tin hoặc đóng tài khoản. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu

cầu thêm mới, sửa đổi, đóng, xóa tài khoản phải có văn bản đề nghị Sở Tài chính để thực hiện.

9. Cá nhân được cấp tài khoản Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá chịu trách nhiệm lưu giữ thông tin mật tài khoản (người dùng, mật mã) theo quy định pháp luật về an ninh, an toàn thông tin hiện hành.

Điều 10. Khắc phục khi phần mềm cơ sở dữ liệu về giá gặp sự cố

1. Khi không truy cập được vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá hoặc gặp sự cố khác khi sử dụng phần mềm; các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên hệ với Sở Tài chính để được hướng dẫn, xử lý.

2. Ngay sau khi nhận được thông tin về sự cố, Sở Tài chính tiếp nhận, hướng dẫn người sử dụng khắc phục sự cố hoặc lỗi truy cập phần mềm cơ sở dữ liệu về giá hoặc liên hệ với đơn vị cung cấp phần mềm để phối hợp xử lý sự cố kịp thời.

Điều 11. Thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giá

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân sử dụng nguồn thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giá từ các văn bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc các nguồn thông tin khác theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài chính.

2. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu về giá thực hiện theo nguyên tắc phối hợp, chia sẻ thông tin và chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm về mức độ tin cậy của thông tin cung cấp để xây dựng cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 12. Quy định về cập nhật, sử dụng phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân

sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phải thực hiện kê khai giá; bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá theo quy định.

b) Xét duyệt báo cáo về giá hàng hóa thuộc diện báo cáo thị trường và giá hàng hóa dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

c) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh; giá hàng hóa dịch vụ thuộc danh mục thực hiện kê khai giá của các tổ chức, doanh nghiệp nộp tại Sở Tài chính.

d) Cập nhật thông tin các đơn vị thẩm định giá trên địa bàn tỉnh.

e) Định kỳ báo cáo hàng tháng, quý, năm về thông tin giá hàng hóa dịch vụ của địa phương theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

g) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá của địa phương; văn bản hướng dẫn, tham gia góp ý với các đơn vị khác liên quan đến cơ chế chính sách giá; các tài liệu học tập kinh nghiệm; kết quả, đề tài nghiên cứu khoa học; các báo cáo, văn bản có liên quan khác lên hệ thống phần mềm.

h) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

i) Cập nhật văn bản, quyết định công bố Quỹ bình ổn giá các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá theo quy định vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương (nếu có).

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chịu trách nhiệm quản lý, cập nhật khung giá đất do Chính phủ ban hành, bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Cập nhật giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất thuộc quỹ đất đơn vị quản lý.

c) Cập nhật giá đất giao dịch bất động sản.

d) Cập nhật danh mục và giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành: Giá các loại tài nguyên để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

giá bồi thường về nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu; giá đất cụ thể trong thực hiện phương án bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc ngân sách nhà nước.

e) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

g) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá; văn bản hướng dẫn, tham gia góp ý với các đơn vị khác liên quan đến cơ chế chính sách giá; các tài liệu học tập kinh nghiệm; kết quả, đề tài nghiên cứu khoa học; các báo cáo, văn bản có liên quan khác lên hệ thống phần mềm.

Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d, e khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chịu trách nhiệm quản lý và cập nhật danh mục các loại rừng (rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng) thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu.

b) Cập nhật giá nước sạch sinh hoạt.

c) Cập nhật giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực mình quản lý.

d) Cập nhật danh mục và giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

e) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

g) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá; văn bản hướng dẫn, tham gia góp ý với các đơn vị khác liên quan đến cơ chế chính sách giá; các tài liệu học tập kinh nghiệm; kết quả, đề tài nghiên cứu khoa học; các báo cáo, văn bản có liên quan khác lên hệ thống phần mềm.

Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d, e khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt tổng hợp để cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

4. Sở Xây dựng

- a) Chịu trách nhiệm quản lý và cập nhật danh mục nhà ở xã hội, nhà ở công vụ.
- b) Cập nhật giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở.
- c) Cập nhật giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.
- d) Cập nhật danh mục và giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
- e) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
- g) Cập nhật giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.
- h) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá; văn bản hướng dẫn, tham gia góp ý với các đơn vị khác liên quan đến cơ chế chính sách giá; các tài liệu học tập kinh nghiệm; kết quả, đề tài nghiên cứu khoa học; các báo cáo, văn bản có liên quan khác thuộc lĩnh vực xây dựng lên hệ thống phần mềm.

Chuyển dữ liệu tổng hợp tại Mục a, b, c, d, e khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt tổng hợp để cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- a) Cập nhật giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh.
- b) Cập nhật danh mục và giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Cập nhật giá dịch vụ trông giữ xe tại trường học trên địa bàn tỉnh.
- c) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của PL về đấu thầu.
- d) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá; văn bản hướng dẫn, tham gia góp ý với các đơn vị khác liên quan đến cơ chế chính sách giá; các tài liệu học tập

kinh nghiệm; kết quả, đề tài nghiên cứu khoa học; các báo cáo, văn bản có liên quan khác lên hệ thống phần mềm.

Chuyển dữ liệu tổng hợp tại Mục a, b, c khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt tổng hợp để cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

6. Sở Giao thông Vận tải

a) Chịu trách nhiệm quản lý và cập nhật danh mục hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyên; danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

b) Cập nhật mức trợ giá, trợ cước. Cập nhật danh mục và giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.

c) Cập nhật giá cước vận chuyên hàng hóa bằng ô tô, giá sử dụng đường bộ do địa phương quản lý với các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh theo hình thức giá tối đa.

d) Cập nhật danh mục và giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

e) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của Pháp luật về đấu thầu.

g) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá; văn bản hướng dẫn, tham gia góp ý với các đơn vị khác liên quan đến cơ chế chính sách giá; các tài liệu học tập kinh nghiệm; kết quả, đề tài nghiên cứu khoa học; các báo cáo, văn bản có liên quan khác lên hệ thống phần mềm.

Chuyển dữ liệu tổng hợp tại Mục a, b, c, d, e khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt tổng hợp để cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

7. Sở Y tế

a) Chịu trách nhiệm quản lý và cập nhật Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b) Cập nhật giá đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

c) Cập nhật danh mục và giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Cập nhật giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tại bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

d) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

e) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá; văn bản hướng dẫn, tham gia góp ý với các đơn vị khác liên quan đến cơ chế chính sách giá; các tài liệu học tập kinh nghiệm; kết quả, đề tài nghiên cứu khoa học; các báo cáo, văn bản có liên quan khác lên hệ thống phần mềm.

Chuyển dữ liệu tổng hợp tại Mục a, b, c, d khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt tổng hợp để cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

8. Sở Công Thương

a) Cập nhật giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá, bình ổn giá.

b) Cập nhật danh mục và giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Cập nhật giá trị tài sản được thẩm định giá của đơn vị quản lý.

d) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

đ) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá; văn bản hướng dẫn, tham gia góp ý với các đơn vị khác liên quan đến cơ chế chính sách giá; các tài liệu học tập kinh nghiệm; kết quả, đề tài nghiên cứu khoa học; các báo cáo, văn bản có liên quan khác lên hệ thống phần mềm.

Chuyển dữ liệu tổng hợp tại Mục a, b, c, d khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

9. Sở Tư pháp

a) Cập nhật danh mục và giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

c) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá; văn bản hướng dẫn, tham gia góp ý với các đơn vị khác liên quan đến cơ chế chính sách giá; các tài liệu học tập kinh nghiệm; kết quả, đề tài nghiên cứu khoa học; các báo cáo, văn bản có liên quan khác lên hệ thống phần mềm.

Chuyển dữ liệu tổng hợp tại Mục a, b khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Cập nhật danh mục về giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

c) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá; văn bản hướng dẫn, tham gia góp ý với các đơn vị khác liên quan đến cơ chế chính sách giá; các tài liệu học tập kinh nghiệm; kết quả, đề tài nghiên cứu khoa học; các báo cáo, văn bản có liên quan khác lên hệ thống phần mềm.

Chuyển dữ liệu tổng hợp tại Mục a, b khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Cập nhật danh mục về giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

c) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá; văn bản hướng dẫn, tham gia góp ý với các đơn vị khác liên quan đến cơ chế chính sách giá; các tài liệu học tập

kinh nghiệm; kết quả, đề tài nghiên cứu khoa học; các báo cáo, văn bản có liên quan khác lên hệ thống phần mềm.

Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Chịu trách nhiệm quản lý, cập nhật danh mục và giá các loại rừng trên địa bàn, chuyển dữ liệu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, xét duyệt.

b) Chịu trách nhiệm quản lý, cập nhật danh mục và giá cho thuê tài sản là các công trình kết cấu hạ tầng, chuyển dữ liệu cho Sở Giao thông Vận tải kiểm tra, xét duyệt.

c) Chịu trách nhiệm quản lý, cập nhật danh mục và giá dịch vụ giáo dục áp dụng đối với cơ sở giáo dục Mầm non, Trường Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn mình.

d) Chịu trách nhiệm quản lý, cập nhật danh mục và giá hàng hóa, dịch vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

e) Cập nhật giá nước sạch sinh hoạt.

g) Tiếp nhận, kiểm tra, xét duyệt việc cập nhật bảng đề xuất giá hàng hóa, dịch vụ của các đơn vị, tổ chức, cá nhân.

h) Cập nhật giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

i) Cập nhật giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

k) Cập nhật giá đất giao dịch bất động sản.

l) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

m) Cập nhật báo cáo về giá hàng hóa thuộc diện báo cáo thị trường

n) Cập nhật các văn bản quản lý nhà nước về giá; văn bản hướng dẫn, tham gia góp ý với các đơn vị khác liên quan đến cơ chế chính sách giá; các tài liệu học tập kinh nghiệm; kết quả, đề tài nghiên cứu khoa học; các báo cáo, văn bản có liên quan khác lên hệ thống phần mềm.

Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm c, d, e, g, h, i, k, l, m khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

13. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được quy định việc cập nhật dữ liệu về giá các hàng hóa, dịch vụ,...tại Quy chế này, căn cứ danh mục quy định tại điểm 1 Điều 9 của Quy chế này tự thực hiện rà soát, kiểm tra đối chiếu các hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Quy chế này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cấp, ngành

Ủy ban nhân dân tỉnh giao các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy chế, với một số nội dung như sau:

1. Sở Tài chính

a) Quản lý, duy trì và đảm bảo kỹ thuật cho hoạt động thông suốt, liên tục của hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị cung cấp phần mềm, các sở ngành có liên quan hướng dẫn vận hành, sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

c) Cấp quyền (tên đơn vị, tên đăng nhập và mật khẩu) cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp hỗ trợ các cơ quan, đơn vị về việc khắc phục sự cố trong quá trình sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

e) Tham mưu, đề xuất nâng cấp, hiệu chỉnh phần mềm, để kịp thời đáp ứng các yêu cầu trong công tác quản lý giá và yêu cầu của thực tiễn.

g) Tổ chức kiểm tra, xét duyệt dữ liệu về giá do các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đến để cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

h) Tổ chức việc theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, khai thác sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá hiệu quả, thường xuyên, liên tục.

2. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Tài chính kết nối chia sẻ dữ liệu giá với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo quy định.

3) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan

a) Tổ chức triển khai sử dụng, khai thác phần mềm cơ sở dữ liệu về giá thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm hiệu quả, thường xuyên, liên tục.

b) Trực tiếp cập nhật cơ sở dữ liệu về giá do đơn vị mình quản lý, tổng hợp báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng, năm gửi cho Sở Tài chính xét duyệt để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính thông qua Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

c) Quản lý, chỉ đạo, đôn đốc việc sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo bí mật tài khoản người dùng, nội dung thông tin theo quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan của Nhà nước.

d) Bố trí cán bộ có kiến thức về công nghệ thông tin theo dõi, quản lý và xử lý các sự cố thông thường trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thông báo kịp thời các sự cố xảy ra ngoài khả năng và trách nhiệm xử lý về Sở Tài chính.

e) Triển khai thực hiện các nội dung quản lý, sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại Quy chế này đến từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

g) Cấp quyền (tên đơn vị, tên đăng nhập và mật khẩu) cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi mình quản lý.

h) Giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc tổ chức cập nhật giá các hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý vào hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá theo quy định tại Quy chế này.

4. Các cá nhân được cấp tài khoản sử dụng: Có trách nhiệm bảo mật thông tin tài khoản được cấp theo quy định của pháp luật hiện hành, sử dụng tài khoản được cấp đúng mục đích theo quyền hạn, nhiệm vụ được giao, sử dụng đúng thao tác vận hành Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá. Cán bộ phụ trách quản lý về giá của các đơn vị chịu trách nhiệm bổ sung đầy đủ thông tin về giá của đơn vị mình trước khi trình thủ trưởng đơn vị (hoặc người có thẩm quyền) phê duyệt.

Điều 14. Kinh phí bảo đảm cho việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Kinh phí đầu tư xây dựng, duy trì, nâng cấp, quản lý cơ sở dữ liệu về giá tại Sở Tài chính được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, cơ quan có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về giá lập dự toán ngân sách phục vụ cho việc duy trì, nâng cấp, quản lý cơ sở dữ liệu về giá trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Kinh phí được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức cá nhân sử dụng Hệ thống phần mềm CSDL về giá có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, có phát sinh khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2022/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm, 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện; Chánh Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng Nông thôn mới; Trưởng Ban Dân tộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với các công trình áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện

Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, do cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, thanh toán vốn

1. Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả đúng quy định về quản lý đầu tư công và ngân sách nhà nước của pháp luật hiện hành và quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

2. Các dự án giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện xây dựng công trình được chủ đầu tư (Ban Quản lý xã) tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư (Ban Phát triển thôn) và không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn. Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng dự án.

3. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng, việc thanh toán căn cứ vào hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng, số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành.

Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng, việc thanh toán trên căn cứ bảng xác định giá trị công việc hoàn thành. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán chi phí thực hiện công việc được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.

4. Cơ quan kiểm soát, thanh toán có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho dự án khi có đủ điều kiện thanh toán, đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

Điều 5. Phân bổ kế hoạch vốn

1. Việc lập kế hoạch, phân bổ chi tiết kế hoạch thực hiện vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Cơ quan Tài chính có trách nhiệm nhập kế hoạch vốn đầu tư trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS) theo hướng dẫn tại Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống Thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS).

Điều 6. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn

Chủ đầu tư gửi hồ sơ, tài liệu sau đây đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán (gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh), các tài liệu này là bản chính hoặc sao y bản chính của chủ đầu tư, bao gồm:

1. Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.
2. Quyết định phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo dự toán xây dựng công trình hoặc Bảng kê các chi phí đầu tư xây dựng.
3. Hợp đồng thực hiện công trình được ký kết giữa Ban Quản lý xã và Ban Phát triển thôn (áp dụng hình thức giá hợp đồng trọn gói) hoặc hợp đồng mua bán hàng hóa (đối với hỗ trợ bằng hiện vật).

Điều 7. Tạm ứng vốn

1. Mức vốn tạm ứng

a) Đối với công việc thực hiện thông qua hợp đồng:

Mức tạm ứng vốn tối đa bằng 30% phần ngân sách nhà nước hỗ trợ nhưng không vượt kế hoạch vốn ngân sách nhà nước bố trí hàng năm cho dự án. Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) cho phép, nhưng không được tạm ứng quá 80% giá trị hợp đồng. Người quyết định mức tạm ứng chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình và quản lý việc sử dụng số vốn tạm ứng đúng quy định.

b) Đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng:

- Tổng mức vốn tạm ứng trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư đảm bảo không vượt quá 30% dự toán chi phí cho khối lượng công việc thực hiện được duyệt. Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép, nhưng không được tạm ứng quá 80% giá trị dự toán. Người quyết định mức tạm ứng chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình và quản lý việc sử dụng số vốn tạm ứng đúng quy định.

- Mức vốn tạm ứng đối với chi phí quản lý dự án không vượt quá dự toán chi phí quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hồ sơ tạm ứng vốn gồm (Có Mẫu biểu kèm theo-Nghị định số 99/2021/NĐ-CP):

a) Giấy đề nghị thanh toán: Theo Mẫu số 04.a/TT.

b) Chứng từ thanh toán: Theo Mẫu số 05/TT.

3. Thu hồi vốn tạm ứng

a) Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do Ban Quản lý xã thống nhất với Ban Phát triển thôn, được quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng.

b) Đối với chi phí quản lý dự án: Ban Quản lý xã lập bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của Ban Quản lý xã) gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng. Ban Quản lý xã không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến cơ quan kiểm soát, thanh toán và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt.

Điều 8. Thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng:

Hồ sơ thanh toán gồm (Có Mẫu biểu kèm theo-Nghị định số 99/2021/NĐ-CP):

a) Giấy đề nghị thanh toán vốn: Mẫu số 04.a/TT.

b) Chứng từ chuyển tiền: Mẫu số 05/TT.

c) Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng: Mẫu số 04.b/TT kèm theo (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng).

d) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành: Mẫu số 03.a/TT.

đ) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh: Mẫu số 03.c/TT (đối với trường hợp phát sinh khối lượng).

2. Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng:

Hồ sơ thanh toán gồm (Có mẫu biểu kèm theo-Nghị định số 99/2021/NĐ-CP):

a) Giấy đề nghị thanh toán vốn: Mẫu số 04.a/TT.

b) Chứng từ chuyên tiền: Mẫu số 05/TT.

c) Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng: Mẫu số 04.b/TT kèm theo (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng).

d) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành: Mẫu số 03.a/TT.

đ) Bảng kê chứng từ thanh toán (chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

Điều 9. Quyết toán vốn đầu tư theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ)

1. Đối với vốn ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến việc giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước lập báo cáo quyết toán theo niên độ khi kết thúc năm ngân sách.

2. Trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo năm ngân sách: Thực hiện theo Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư công theo năm ngân sách của chủ đầu tư, sở, phòng, ban thuộc ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán vốn đầu tư công theo năm ngân sách thuộc ngân sách cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 10. Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Các dự án giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang khi hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng công chức chuyên môn thuộc quyền quản lý để thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

3. Lập báo cáo quyết toán, thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán; nội dung thẩm tra quyết toán; thời hạn quyết toán; chế độ báo cáo, kiểm tra và các nội dung có liên quan khác: Thực hiện theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

4. Đối với công trình thực hiện theo hình thức nhà nước hỗ trợ bằng hiện vật:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các thủ tục nhận bàn giao, chuẩn bị mặt bằng, kho bãi để bảo quản hiện vật hỗ trợ, mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi riêng hiện vật được bàn giao.

b) Giá trị của hiện vật phải được quy đổi ra tiền và tổng hợp vào chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thẩm định danh mục dự án đầu tư, cơ cấu các nguồn vốn, lồng ghép, phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư trung hạn và hàng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch.

a) Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan trong việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kinh phí từ ngân sách tỉnh theo quy định hiện hành; kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý theo quy

định; tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn hàng năm theo quy định; thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị).

3. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện: Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định của pháp luật hiện hành và Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ; đôn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng; thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

4. Trách nhiệm của Ban Dân tộc, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới căn cứ chức năng, nhiệm vụ để phối hợp tổ chức thực hiện.

5. Trách nhiệm UBND huyện, thành phố:

a) Thực hiện phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý; giao nhiệm vụ, chỉ đạo Phòng Kinh tế và Hạ tầng tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành theo đề nghị của UBND cấp xã; thực hiện quy định chế độ thông tin báo cáo.

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện tại cấp xã.

6. Trách nhiệm của UBND cấp xã.

a) Chỉ đạo việc triển khai thực hiện các dự án giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình trên địa bàn xã theo cơ chế đặc thù; huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã tham gia thực hiện xây dựng công trình.

b) Tổ chức thẩm định, phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản; thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn toàn. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành.

c) Thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình.

d) Giao cho Ban Phát triển thôn trực tiếp quản lý vận hành công trình xây dựng.

đ) Quyết định kế hoạch bảo trì và giao cho cộng đồng dân cư thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

7. Trách nhiệm của Ban Quản lý cấp xã:

- Ban Quản lý cấp xã trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại cơ quan Kho bạc Nhà nước và sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân xã trong hoạt động giao dịch với các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; ký hợp đồng với Ban Phát triển thôn để tổ chức thi công công trình, giám sát trong quá trình thi công, tổ chức nghiệm thu công trình; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức huy động sự đóng góp của nhân dân để thi công công trình. Tổng hợp theo dõi chi tiết các khoản nhân dân đóng góp xây dựng công trình.

- Xây dựng kế hoạch bảo trì công trình xây dựng.

8. Trách nhiệm của Ban Phát triển thôn

- Lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt. Trường hợp gặp khó khăn trong lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, Ban Phát triển thôn có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

- Tổ chức thi công công trình, phối hợp với Ban Quản lý xã thực hiện giám sát và nghiệm thu công trình.

- Trực tiếp quản lý vận hành khai thác công trình xây dựng.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tế thì các huyện, thành phố báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2022/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về cơ chế quay vòng hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, để luân chuyển trong cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang theo dự án, phương án, mô hình giảm nghèo (sau đây gọi tắt là dự án) hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện cơ chế quay vòng

1. Việc quay vòng một phần vốn đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền để thực hiện dự án, đảm bảo phù hợp với từng dự án được phê duyệt và điều kiện cụ thể của từng hộ hoặc nhóm hộ tham gia dự án.

2. Kinh phí quay vòng được sử dụng để quay vòng cho các dự án mới thuộc hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất của các chương trình mục tiêu quốc gia được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên bố trí cho các dự án, mô hình thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Đối với những chi phí gián tiếp trong các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất phải thực hiện theo cơ chế lồng ghép nguồn vốn quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Đảm bảo công khai, dân chủ, bình đẳng giới, có sự tham gia và cam kết của người dân trong việc xây dựng, thực hiện dự án và thu hồi kinh phí quay vòng.

5. Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện cơ chế quay vòng.

Điều 3. Hình thức, tỷ lệ và thời gian thu hồi kinh phí quay vòng:

1. Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền.

2. Tỷ lệ thu hồi theo số vốn được ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện dự án (không bao gồm dự án mô hình giảm nghèo).

a) Đối với dự án trồng trọt:

- Cây ngắn ngày (chu kỳ sản xuất dưới 01 năm): Tỷ lệ thu hồi 20%/dự án.
- Đối với các loại cây trồng còn lại: Tỷ lệ thu hồi 25%/dự án.

b) Đối với dự án chăn nuôi:

- Gia súc, gia cầm: Tỷ lệ thu hồi 30%/dự án
- Đại gia súc: Tỷ lệ thu hồi 35%/dự án

c) Dự án thủy sản: Tỷ lệ thu hồi 30%/dự án

d) Dự án lâm nghiệp (trồng rừng sản xuất): Tỷ lệ thu hồi 30%/dự án.

3. Tỷ lệ thu hồi đối với dự án mô hình giảm nghèo:

- a) Đối với các dự án nông, lâm nghiệp: Thực hiện theo khoản 2 Điều này.
- b) Dự án khác còn lại thu hồi 40%/dự án.

4. Mức kinh phí thu hồi và thời gian thu hồi:

a) Mức kinh phí thu hồi: Căn cứ tỷ lệ thu hồi nêu tại khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án xác định số kinh phí phải thu hồi để quay vòng trong quyết định phê duyệt dự án.

b) Thời gian thu hồi: Tối đa không quá 03 tháng kể từ khi kết thúc dự án.

5. Trường hợp trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ vì lý do khách quan như: Thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các lý do bất khả kháng khác dẫn đến không có kết quả đầu ra theo kế hoạch, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định điều chỉnh dự án đã phê duyệt.

6. Gia hạn thời gian thu hồi đối với đối tượng tham gia dự án:

a) Thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh từ 30% đến dưới 50% theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền: Thời gian gia hạn tối đa 12 tháng.

b) Thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh từ 50% đến 70% theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền: Thời gian gia hạn tối đa 12 tháng, tỷ lệ thu hồi bằng 50% tỷ lệ thu hồi nêu tại khoản 2 Điều này.

c) Các trường hợp bất khả kháng khác: Xuất trình căn cứ hợp pháp để cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn nhưng tối đa không quá 12 tháng.

7. Trường hợp không thu hồi kinh phí hỗ trợ: Dự án bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên 70% theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và quyết định của cấp có thẩm quyền.

8. Biên bản xác nhận mức độ thiệt hại: Thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Quản lý, sử dụng và trình tự quay vòng

1. Cơ quan có trách nhiệm thu hồi kinh phí quay vòng:

a) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án có trách nhiệm thu hồi kinh phí ngân sách nhà nước đã hỗ trợ theo dự án được duyệt để thực hiện luân chuyển cho dự án khác được duyệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ tổ chức thu hồi kinh phí quay vòng thực hiện dự án cho cơ quan, đơn vị và cấp xã.

c) Kết thúc dự án: Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành, quyết định thu hồi số kinh phí quay vòng thực hiện dự án làm cơ sở để các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã thu hồi.

2. Quản lý kinh phí quay vòng:

a) Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mở tài khoản tiền gửi để thu hồi kinh phí quay vòng hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng tại Kho bạc nhà nước:

- Tên tài khoản: Quỹ quay vòng các dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng.
- Chủ tài khoản: Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Nơi mở tài khoản: Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

b) Đối với dự án mô hình giảm nghèo

Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội mở tài khoản tiền gửi để thu hồi kinh phí hỗ trợ thực hiện các dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng tại Kho bạc nhà nước:

- Tên tài khoản: Kinh phí quay vòng các dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

- Chủ tài khoản: Lãnh đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nơi mở tài khoản: Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

3. Quản lý và sử dụng kinh phí quay vòng

a) Hằng năm căn cứ dự toán kinh phí sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia và số kinh phí thu hồi của các dự án (nguồn vốn quay vòng): Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Dân tộc trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ kinh phí thực hiện các dự án mới được phê duyệt trong năm.

b) Kinh phí thu hồi thuộc dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng được quản lý theo xã và ưu tiên phân bổ tiếp tục thực hiện các dự án mới trên địa bàn xã đó (trường hợp xã có nhu cầu).

c) Định kỳ hằng năm, trước ngày 31/01 năm sau năm kế hoạch: Cơ quan, đơn vị và cấp xã được giao nhiệm vụ thu hồi kinh phí quay vòng lập báo cáo tình hình triển khai các dự án và kinh phí quay vòng gửi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Dân tộc và Phòng Tài chính - Kế hoạch.

d) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện thu hồi và sử dụng kinh phí quay vòng 6 tháng và hằng năm trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, để báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý và sử dụng kinh phí quay vòng thực hiện hạch toán kế toán, quản lý kinh phí trên hệ thống kế toán và báo cáo tài chính hằng năm theo chế độ kế toán hiện hành.

Điều 5. Quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án, bao gồm số kinh phí thu hồi, thời gian thu hồi để quay vòng.

2. Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án mô hình giảm nghèo ký hợp đồng với đại diện cộng đồng dân cư.

3. Cộng đồng dân cư triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hằng năm và tổng kết, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai dự án của cộng đồng dân cư; thực hiện nghiệm thu và thanh toán, giải ngân vốn cho cộng đồng dân cư căn cứ kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định quy định tại khoản 6, Điều 22 - Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã phối hợp với Tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn cấp xã có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện dự án của cộng đồng dân cư, kịp thời thông tin, kiến nghị với UBND cấp xã những tồn tại, vướng mắc trong tổ chức thực hiện của cộng đồng dân cư.

7. Cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức thực hiện việc dự án, đảm bảo thu hồi kinh phí quay vòng để tiếp tục luân chuyển vốn trong cộng đồng theo quy định.

8. Kết thúc Chương trình mục tiêu quốc gia toàn bộ số kinh phí quay vòng được thu hồi và nộp vào ngân sách nhà nước.

9. Thực hiện công khai tài chính thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có việc thu hồi, quản lý và sử dụng kinh phí thu hồi để quay vòng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng

1. Hằng năm, căn cứ mức hỗ trợ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện dự án quyết toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 65 của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ báo cáo quyết toán của cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố xét duyệt/thẩm định quyết toán và tổng hợp vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Cơ quan chủ quản thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh gồm: Ban Dân tộc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh:

a) Căn cứ dự toán trung ương giao và quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, hàng năm lập phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (trong đó có hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất) gửi Sở Tài chính.

b) Hướng dẫn một số nội dung liên quan đến việc xây dựng và thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của trung ương.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ, 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo

yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

d) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện cơ chế quay vòng. Tổng hợp, đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với sở, ngành chủ quản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm.

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện cơ chế quay vòng.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, thẩm định dự án; phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt dự án.

b) Căn cứ dự toán tỉnh giao để phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định.

c) Có trách nhiệm kiểm tra, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế quay vòng.

d) Định kỳ 6 tháng, hằng năm và đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện trên địa bàn huyện, xã gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh để theo dõi, tổng hợp chung.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chỉ đạo việc xây dựng, quản lý, phê duyệt dự án (nếu được ủy quyền).

b) Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.##

c) Phối hợp chỉ đạo thực hiện các dự án do cấp huyện thực hiện được triển khai trên địa bàn xã.

d) Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả thực hiện Nghị quyết (qua Phòng Lao động Thương binh & Xã hội/ Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/Phòng Dân tộc).

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với kinh phí thu hồi của các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo theo Quyết định số 26/2018/QĐ- UBND ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết một số Điều tại Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang: Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch bàn giao cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, quản lý và sử dụng theo quy định tại Quyết định này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2022.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2022/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 29 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Tài chính tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tài chính địa phương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về tài chính; ngân

sách nhà nước; nợ chính quyền địa phương, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước; tài sản công; các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; kế toán; kiểm toán độc lập; lĩnh vực giá và các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật;

2. Sở Tài chính có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành chỉ đạo, quản lý về tổ chức biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền; đồng thời chấp hành; chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài chính.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài chính và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Dự thảo Kế hoạch phát triển, chương trình biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực tài chính - ngân sách, các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật;

c) Dự thảo Quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính - ngân sách cho Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Dự thảo Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở theo quy định của pháp luật;

đ) Dự thảo Quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở;

e) Dự thảo Quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên (nếu có).

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công về lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về quản lý ngân sách nhà nước:

a) Xây dựng, tổng hợp, lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình cấp có thẩm quyền kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách tỉnh hàng năm; điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm, dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách tỉnh trong trường hợp cần thiết;

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án bổ sung dự toán số tăng thu của ngân sách địa phương, phương án phân bổ, sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi của ngân sách địa phương và phương án điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương theo quy định;

c) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình cấp có thẩm quyền quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương đối với các khoản thu phân chia và mức bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

d) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách tỉnh, sử dụng quỹ dự trữ tài chính của địa phương và các nguồn dự trữ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình cấp có thẩm quyền quy định các định mức phân bổ và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách của địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

e) Tham mưu, tổ chức thực hiện ngân sách địa phương, điều hành ngân sách địa phương theo thẩm quyền, theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách tỉnh và cấp dưới;

g) Kiểm tra việc phân bổ dự toán ngân sách được giao; hướng dẫn việc quản lý, điều hành ngân sách; chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị cùng cấp và ngân sách của cấp dưới;

h) Hướng dẫn việc hạch toán, quyết toán ngân sách địa phương và định kỳ báo cáo việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách và tổ chức thực hiện chế độ công khai tài chính ngân sách của nhà nước theo quy định của pháp luật;

i) Tổng hợp, lập quyết toán ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình cấp có thẩm quyền quyết toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

k) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chi ứng trước, thu hồi các khoản chi ứng trước của ngân sách tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

l) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

5) Về Quản lý vốn đầu tư phát triển:

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan để tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh về chiến lược thu hút, huy động, sử dụng vốn đầu tư ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước; thẩm định về các đề án, quy hoạch, chủ trương đầu tư, các dự án đầu tư; xây dựng các chính sách, biện pháp điều phối và nâng cao hiệu

quả sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trên địa bàn. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về tài chính đối với các chương trình, dự án ODA trên địa bàn;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan xây dựng phương án phân kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối đối với chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công; điều chỉnh, điều hòa kế hoạch vốn đầu tư công đối với các dự án đầu tư do địa phương quản lý; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc phân bổ các nguồn vốn đầu tư công của ngân sách tỉnh, bao gồm nguồn bổ sung của ngân sách trung ương và nguồn cân đối ngân sách tỉnh từ nguồn ngân sách tỉnh vay lại;

c) Thực hiện kiểm tra việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước chi đầu tư công của các đơn vị dự toán cấp I; nhập và phê duyệt dự toán trên hệ thống Tabmis theo quy định của Bộ Tài chính;

d) Tham gia với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan về nội dung tài chính, các chính sách ưu đãi tài chính đối với các dự án;

đ) Kiểm tra tình hình thực hiện phân bổ, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư thuộc ngân sách địa phương của chủ đầu tư và cơ quan tài chính huyện, xã và vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp; tình hình kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư của Kho bạc Nhà nước ở tỉnh, huyện;

e) Chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý (trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có quy định khác);

g) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trình tự, thời hạn lập, gửi xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân

sách nhà nước; tổng hợp, báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách do địa phương quản lý theo quy định;

h) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, phân tích, báo cáo tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư;

i) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh theo dõi và đôn đốc các chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án thu hồi số vốn đã thanh toán thừa khi dự án hoàn thành được phê duyệt quyết toán có số vốn được quyết toán thấp hơn số vốn đã thanh toán cho dự án và đôn đốc thu hồi các khoản tạm ứng vốn đầu tư xây dựng cơ bản quá hạn chưa thu hồi.

6. Về quản lý tài chính đối với đất đai:

a) Là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể; thực hiện và chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ theo quy định của Luật đất đai hiện hành;

b) Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất; mức tỷ lệ phần trăm (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất để tính thu tiền thuê đất, xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất trả tiền thuê đất hàng năm;

c) Chủ trì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tăng hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp thửa đất hoặc khu đất đấu giá thuộc đô thị, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có lợi thế, khả năng sinh lợi;

d) Chủ trì xác định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính thu tiền thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm, đất có mặt nước, mặt nước thuê;

đ) Chủ trì xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước;

e) Chủ trì xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình cấp có thẩm quyền ban hành mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định;

g) Chủ trì xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp xác định giá khởi điểm theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

7. Về quản lý tài sản công tại địa phương:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

b) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản công, ban hành danh mục mua sắm tập trung của tỉnh (trừ thuốc chữa bệnh, vật tư y tế và các tài sản chuyên dùng) theo quy định của pháp luật; quản lý cơ sở dữ liệu về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương; báo cáo kê khai tài sản công và tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành theo quy định đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng; xe ô tô chuyên dùng; máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật;

đ) Thẩm định, có ý kiến đối với các nhiệm vụ do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

e) Quyết định theo thẩm quyền các nội dung về quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp của Hội đồng nhân dân tỉnh, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện các quyết định về hình thành, sử dụng, xử lý tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc tỉnh giao theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

g) Thực hiện việc quản lý hóa đơn bán tài sản công, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng hóa đơn, thanh quyết toán sử dụng hóa đơn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến với các Bộ, ngành đối với phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc Trung ương quản lý và nhà, đất thuộc các địa phương khác trên địa bàn tỉnh;

i) Làm chủ tài khoản tạm giữ quản lý số tiền thu được từ xử lý, khai thác tài sản công theo quy định của pháp luật;

k) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp quyết định: xác lập sở hữu toàn dân về tài sản, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập sở hữu toàn dân đối với các loại tài sản được giao trách nhiệm tại các văn bản pháp luật quy định về trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

8. Về quản lý nhà nước về tài chính đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách:

a) Phối hợp cơ quan quản lý quỹ tài chính ngoài ngân sách của địa phương tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ gửi Ủy ban nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương; phối hợp giải trình Hội đồng nhân dân cùng cấp khi có yêu cầu;

b) Thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của các Quỹ và các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh phân công.

9. Về quản lý tài chính doanh nghiệp:

a) Hướng dẫn thực hiện các chính sách, chế độ quản lý tài chính doanh nghiệp của các loại hình doanh nghiệp, tài chính hợp tác xã và kinh tế tập thể; chính sách tài chính phục vụ chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do địa phương thành lập, được giao quản lý hoặc góp vốn theo quy định của pháp luật; chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, chế độ quản lý, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công việc quản lý phần vốn và tài sản nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể do địa phương thành lập, góp vốn hoặc được giao quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Kiểm tra việc quản lý sử dụng vốn, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, thực hiện chức năng giám sát, tổng hợp báo cáo kết quả giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, kiến nghị, đề xuất giải pháp với Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do địa phương

thành lập, được giao quản lý hoặc góp vốn. Cảnh báo khi thấy có dấu hiệu mất an toàn tài chính của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

d) Phân tích, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ vốn điều lệ 100% và các doanh nghiệp có vốn nhà nước do địa phương thành lập, được giao quản lý hoặc góp vốn; tổng hợp báo cáo tình hình chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước (báo cáo tình hình sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp) và các báo cáo khác để báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

đ) Quản lý việc trích lập và sử dụng quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do địa phương thành lập, được giao quản lý;

e) Tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tài chính phục vụ chính sách phát triển hợp tác xã, kinh tế tập thể trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

g) Là đầu mối tiếp nhận báo cáo tài chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và tổng hợp, phân tích tình hình tài chính, tình hình xuất nhập khẩu, các khoản nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp FDI theo chế độ quy định phục vụ chính sách phát triển kinh tế - xã hội, thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn theo quy định của pháp luật và gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

10. Về quản lý giá và thẩm định giá:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công, phân cấp, tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trên địa bàn theo quy định của pháp luật về giá; ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các quy định về quản lý giá và thẩm định giá trên địa bàn;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về phân công nhiệm vụ định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh cho Sở Tài chính và các Sở quản lý ngành, lĩnh vực. Thực hiện công tác xây dựng, thẩm định phương án giá các hàng hóa, dịch vụ theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh cho Sở Tài chính; thẩm định phương án giá theo đề nghị của Sở quản lý ngành, lĩnh vực hoặc đơn vị sản xuất kinh doanh đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức công tác kiểm tra chấp hành pháp luật về giá;

d) Tổ chức hiệp thương giá theo quy định của pháp luật;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để trình Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định và theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan ngang bộ;

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân công nhiệm vụ tiếp nhận đăng ký giá, kê khai giá cho Sở Tài chính và các Sở quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định; tham mưu việc bổ sung mặt hàng thực hiện kê khai giá tại địa phương trong các trường hợp cần thiết;

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc phân công và tổ chức thực hiện thẩm định giá của nhà nước thuộc địa phương quản lý theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định giá nhà nước theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

h) Thực hiện nhiệm vụ thu thập, theo dõi, tổng hợp, phân tích diễn biến giá cả thị trường trên địa bàn theo quy định và các chỉ đạo về công tác quản lý, điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính;

i) Xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

k) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo quy định của pháp luật.

11. Về quản lý nợ chính quyền địa phương:

a) Xây dựng kế hoạch vay, trả nợ 05 năm, hằng năm và chương trình quản lý nợ 03 năm của chính quyền địa phương để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về quản lý nợ của chính quyền địa phương;

b) Căn cứ dự toán chi ngân sách địa phương và nguồn tài chính của địa phương đã được cấp có thẩm quyền Quyết định, thực hiện thanh toán nợ gốc, lãi, phí và các chi phí khác liên quan đến khoản vay của chính quyền địa phương đầy đủ, đúng hạn;

c) Phối hợp với Kho bạc nhà nước theo dõi, hạch toán, quyết toán các khoản rút vốn vay, nhận nợ, trả nợ thuộc nghĩa vụ nợ của ngân sách tỉnh;

d) Xây dựng phương án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, các khoản vay khác trong nước báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

đ) Xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu nợ chính quyền địa phương.

12. Thống nhất quản lý về tài chính đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

13. Hướng dẫn việc thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật; tham gia ý kiến đối với phương án tự chủ tài chính năm đầu thời kỳ ổn định của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; phối hợp với các cơ quan chuyên ngành ở địa phương kiểm tra việc thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

14. Phối hợp với cơ quan có liên quan trong việc thực hiện công tác quản lý thu phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn.

15. Hướng dẫn các đơn vị, tổ chức thực hiện đúng chế độ kê khai, cấp, đăng ký, sử dụng mã số đơn vị quan hệ ngân sách và triển khai các công việc khác được phân công theo quy định của pháp luật.

16. Tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng, quản lý và khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, lưu trữ phục vụ công tác quản lý tài chính, quản lý giá, quản lý tài sản và chuyên môn nghiệp vụ được giao; tổng hợp các chỉ tiêu thống kê trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài chính và Chế độ báo cáo thống kê ngành Tài chính theo quy định; chủ trì công bố số liệu tài chính, cung cấp thông tin thống kê tài chính trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài chính; tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở Tài chính trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, phòng chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm chống lãng phí; tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài chính; tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán nhà nước về lĩnh vực tài chính ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

18. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Tài chính (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) theo quy định của pháp luật; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện các chính sách, chế độ về công tác cán bộ đối với công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

19. Tham gia hợp tác quốc tế, ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trong lĩnh vực tài chính theo quy định của pháp luật về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

20. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ.

21. Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nhiệm vụ về giám định tư pháp thuộc lĩnh vực chuyên môn quản lý ở địa phương theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp.

22. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính gồm:

a) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Phòng Quản lý ngân sách và Tin học;
- Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp;
- Phòng Tài chính Đầu tư;
- Phòng Tài chính Doanh nghiệp;
- Phòng Quản lý giá - công sản;

b) Văn phòng Sở;

c) Thanh tra Sở;

d) Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở: Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Sở Tài chính: Sở Tài chính có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

3. Biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng theo quy định của Trung ương:

a) Biên chế công chức, số lượng người làm việc của Sở Tài chính được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm công tác tài chính của địa phương và trong tổng biên chế công chức, tổng chỉ tiêu số lượng người làm việc của tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm theo quy định của pháp luật;

b) Hợp đồng một số công việc thực hiện theo quy định hiện hành;

c) Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức và hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2022 và thay thế Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Hà Giang.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Sơn

VĂN PHÒNG UBND TỈNH HÀ GIANG XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1-Đường 26/3-P.Nguyễn Trãi-TP.Hà Giang-T.Hà Giang;

Điện thoại liên hệ: 02193.866.204; Fax: 02193.866.204;

E-mail: vpubnd@hagiang.gov.vn;

Website: vpubnd.hagiang.gov.vn;

In tại: Công ty CP In Hà Giang.